

Bản án số: 223/2021/DS-ST

Ngày: 21/12/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Đoàn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 456/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2021/QĐXXST-DS ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T

Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 Đường k, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông M, địa chỉ liên hệ: Lầu 8, số 266 – 268 Đường k, Phường A, Quận B, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: P12 Cư xá N, Phường B, quận T, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông M trình bày: Ngày 10/6/2011, ông Q (gọi tắt là ông Q) có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Sau khi phê duyệt, ngân hàng đã cấp cho ông Q 01 thẻ tín dụng quốc tế có số thẻ là 472074-3704 với hạn mức tín dụng là 13.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.344.986 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.467.000 đồng. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/12/2019, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 21/12/2021, ông Q còn nợ ngân hàng tổng số tiền là số tiền nợ gốc và lãi là 5.878.769 đồng trong đó nợ gốc là 3.022.386 đồng, lãi quá hạn là: 2.856.383 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ nêu trên và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 22/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng, thanh toán 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Q vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông M có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự vắng mặt của các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Q không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2011 được ký giữa ngân hàng và ông Q thì ông Q cung cấp địa chỉ hộ khẩu thường trú tại: P12 Cư xá N, Phường B, quận T, Thành phố H. Ngày 12/4/2021, Công an Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng cư trú của ông Q như sau: “Ông Q, sinh năm 1975 có đăng ký địa chỉ hộ khẩu thường trú tại: P12 Cư xá N, Phường B, quận T, Thành phố H nhưng không cư ngụ tại địa phương, thực tế đang cư ngụ tại địa chỉ: 36/5 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/4/2021, Công an phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng cư trú của ông Q như sau: “ông Q không có hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại địa chỉ: 36/5 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Q.

Xét thấy trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[3] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2011 được ký giữa ngân hàng và ông Q được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*”. Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2011 được ký giữa ngân hàng và ông Q được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP T nên được xác định là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Ngày 10/6/2011, Ngân hàng và ông Q có ký kết văn bản “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần T” (gọi chung là hợp đồng). Sau khi phê duyệt, ngân hàng đã cấp cho ông Q 01 thẻ tín dụng quốc tế có số thẻ là 472074-3704 với hạn mức tín dụng là 13.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.344.986 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.467.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 21/12/2021, ông Q còn nợ ngân hàng tổng số tiền là số tiền nợ gốc và lãi là 5.878.769 đồng trong đó nợ gốc là 3.022.386 đồng, lãi quá hạn là: 2.856.383 đồng. Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo qui định của pháp luật”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng khi khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy, với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Q trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ nêu trên và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/12/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4.3] Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông Q sang nợ quá hạn từ ngày 26/12/2019. Xét ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của ngân hàng do đó ngân hàng yêu cầu ông Q trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 158; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 401; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

Ông Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền còn nợ là 5.878.769 (Năm triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi chín) đồng trong đó nợ gốc là 3.022.386 (Ba triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm tám mươi sáu) đồng, lãi quá hạn là: 2.856.383 (Hai triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi ba) đồng để chấm dứt hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 472074-3704, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 10/6/2011, Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần T”.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0069248 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng thương mại cổ phần T và ông Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Trần Ái Vy

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy